TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2026/QĐST- DS	*Thanh Hoá, ngày 12 tháng 02 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 660 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2025 /TLST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trịnh Thị T - sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh T.

Nay là: Thôn Y, xã T, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị Thành G - sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 15B 128 tổ dân phố C3, phường C, quận H, thành phố P.

Nay là: Số 15B 128 tổ dân phố C3, phường H, thành phố P.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức C – sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu phố Tr, phường N, thị xã T, tỉnh B.

Nay là: Tổ dân phố Tr, phường N, tỉnh B.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 21/6/2025)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Ngô Quý Y - sinh năm 1974

Địa chỉ: Phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Nay là: Phố Đ, phường Đ, tỉnh T.

2. Bà Ngô Thị H - sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 5 T, khu 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh T.

Nay là: Số nhà 3, ngõ 5 T, khu 1, xã L, tỉnh T.

3. Ông Ngô Sĩ T - sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 27, khu 3, thị trấn H, huyện Q, tỉnh T.

Nay là: Số nhà 11, ngõ 27, khu 3, xã H, tỉnh T.

4. Bà Ngô Thị H1 - sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 5A1/3/580 N, phường T, quận H, thành phố P.

Nay là: Số nhà 5A1/3/580 N, phường H, thành phố P.

5. Ông Ngô Anh Đ - sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm C, thôn P, xã V, huyện L, tỉnh T.

Nay là: Thôn P, xã T, tỉnh T.

6. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1955

7. Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1958

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện L, tỉnh T.

Nay là: Thôn P, xã T, tỉnh T.

8. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh T.

Nay là: Thôn Y, xã T, tỉnh T.

9. Ông Ngô Xuân L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khóm 2, phường 6, thành phố C, tỉnh Đ.

Nay là: Khóm 2, phường 6, phường C, tỉnh Đ.

10.Ông Ngô Xuân D, sinh năm 1992

Địa chỉ: 1A/17, C, phường T, quận H, thành phố P.

Nay là: 1A/17, C, phường H, thành phố P.

11.Ông Ngô Xuân V, sinh năm 1997

Địa chỉ: 16B lô 109 khu B2, phường C, quận H, thành phố P.

Nay là: 16B lô 109 khu B2, phường H, thành phố P.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị H1 – sinh năm 1990

Địa chỉ: CH12, tầng 5, toà Ct 1a (V1), phường P, thành phố H.

(Theo các giấy uỷ quyền ngày 21/6/2025, ngày 28/6/2025 và ngày 30/7/2025).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nội dung: Các đương sự tham gia hoà giải đều đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc đất, về quan hệ gia đình cũng như về phương án chia tài sản cụ thể:

Ông Trịnh Văn L (tên khác là Trịnh Thành L) - sinh năm 1969, chết năm 2019, bà Ngô Thị D1 - sinh năm 1967, chết năm 2020 cùng có hộ khẩu thường trú trước khi chết tại thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh T (nay là thôn Y, xã T, tỉnh T). Ông L, bà D1 sinh được 02 người con là bà Trịnh Thị T - sinh năm 1998 và bà Trịnh Thị Thành G - sinh năm 1996.

Khi còn sống, ông L và bà D1 đã tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 575, tờ bản đồ số 52 (tờ bản đồ cũ số 10), diện tích 359 m^2 (trong đó 200m^2 là đất ở và 159m^2 là đất vườn), địa chỉ tại thôn Y, xã T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W581053, số vào sổ cấp GCN QSDĐ số 3121QSDĐ/698/QĐ-CT do UBND huyện L, tỉnh T cấp ngày 22/10/2002 mang tên hộ ông Trịnh Văn L.

Ông L, bà D1 chết không để lại di chúc nên bà T là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất có thông tin nêu trên sau khi ông L, bà D1 chết. Ông L chết năm 2019, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: bà Ngô Thị D1, bà Trịnh Thị Thành G, bà Trịnh Thị T. Bà D1 chết năm 2020, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: bà Vũ Thị H2 (mẹ đẻ, chết năm 2023), bà Trịnh Thị T và bà Trịnh Thị Thành G (con gái). Năm 2023, bà Vũ Thị H2 chết không để lại di chúc nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với phần di sản bà H2 được hưởng từ bà Ngô Thị D1 được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 gồm: ông Ngô Anh V (sinh năm 1950, chết năm 2015), bà Ngô Thị T (sinh năm 1955), bà Ngô Thị Th (sinh năm 1958), bà Ngô Thị V (sinh năm 1963), ông Ngô Văn D (sinh năm 1967, chết năm 2015), ông Ngô Xuân L (sinh năm 1974) và bà Ngô Thị D1 (sinh năm 1967, chết năm 2020).

Tuy nhiên, ông Ngô Anh V, ông Ngô Văn D và bà Ngô Thị D1 chết trước người để lại di sản là bà Vũ Thị H2 nên phát sinh quyền thừa kế thế vị đối với con của người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật đối với phần di sản mà ông V, ông D và bà D1 được hưởng từ bà H2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Anh V gồm: ông Ngô Anh Đ (sinh năm 1984), bà Ngô Thị H1 (sinh năm

1976), bà Ngô Thị H (sinh năm 1977), ông Ngô Sĩ T (sinh năm 1979) và ông Ngô Quý Y (sinh năm 1974). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn D gồm: ông Ngô Xuân D (sinh năm 1992) và ông Ngô Xuân V (sinh năm1997). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ngô Thị D1 gồm: Bà Trịnh Thị T (sinh năm 1998) và bà Trịnh Thị Thành G (sinh năm 1996).

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2025 của Toà án, kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 13/11/2025 của Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC, phiếu đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/02/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai L diện tích đất hiện tại là 359m^2, trị giá: trị giá: 1.221.498.000 đồng, tài sản công trình trên đất trị giá là: 9.610.000 đồng. Tổng tài sản là: 1.231.108.000 đồng (một tỷ, hai trăm ba mươi mốt triệu, một trăm linh tám nghìn đồng).

Nay bà T, ông Cảnh, bà Hiền đều thống nhất, thoả thuận: Bà Trịnh Thị T được hưởng phần thừa kế của bà T theo quy định của pháp luật. Bà Trịnh Thị Thành G và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất đồng ý cho bà T toàn bộ phần thừa kế mà họ được hưởng. Vì vậy, giao cho bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 575, tờ bản đồ số 52, có diện tích 359m^2 (trong đó có 200m^2 là đất ở và 159m^2 là đất vườn) địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hoá (chi tiết sơ đồ, toạ độ thửa đất theo phiếu đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 04/02/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai L) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất mà ông Trịnh Văn L, bà Ngô Thị D1 để lại. Bà T không phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho bà G cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Trịnh Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn đã nộp đủ và không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Về án phí*:** Các bên đương sự thống nhất bà Trịnh Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì vậy, bà Trịnh Thị T phải chịu 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa, nên bà Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí tương ứng với giá trị tài sản mà mình được nhận là 24.466.600 đồng (hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang